

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/DS-ST
Ngày: 02-8-2024
V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản,
hụi và hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Năm

Ông Nguyễn Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 187/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản, hụi và hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Lệ T, sinh năm: 1990

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Thanh P, sinh năm: 1993, địa chỉ: Ấp E, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1970

2.2 Bà Huỳnh Thị Thu T1, sinh năm: 1968

Cùng địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Ông Lê Thanh P có mặt, ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Lệ T2 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Lệ T và lời khai tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 02-8-2016 âm lịch, vợ chồng ông L và bà T2 có cầm cố cho bà T thừa đất có diện tích 6.000m²,

tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Long An với số tiền 214.000.000 đồng, thời hạn cầm cố là 05 năm, hai bên có lập giấy cầm cố đất viết tay ghi ngày 02-8-2016 âm lịch. Sau đó, bà T đã giao đủ số tiền 214.000.000 đồng cho ông L và bà T2. Hết thời hạn cầm cố đất nhưng vợ chồng ông L và bà T2 không trả lại tiền cho bà T mà đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác.

Ngoài ra trước đây bà T và vợ chồng ông L, bà T2 có hợp đồng vay tiền và chơi hụi với nhau nhiều lần, sau khi tính toán cần trừ tiền vay, tiền hụi thì đến ngày 12-11-2023, hai bên chốt nợ lại, vợ chồng ông L, bà T2 còn nợ bà T số tiền hụi và vay là 98.000.000 đồng (hai bên không phân chia tiền hụi bao nhiêu, tiền vay bao nhiêu), vợ chồng ông L, bà T2 có làm giấy biên nhận ngày 12-11-2023, phía dưới giấy biên nhận ngoài chữ ký của vợ chồng ông L, bà T2 còn có chữ ký xác nhận của Phó Trưởng ấp N là ông Lê Hoàng D.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử, bà T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố đất ngày 02-8-2016 âm lịch; yêu cầu ông L và bà T2 liên đới trả số tiền đã nhận là 214.000.000 đồng; yêu cầu ông L và bà T2 liên đới trả số tiền hụi và vay là 98.000.000 đồng.

Đến ngày 01-7-2024, bà T nộp đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố đất ngày 02-8-2016 âm lịch và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện như trên.

- *Ý kiến của bị đơn bà Huỳnh Thị Thu T1 thể hiện tại Đơn trình bày ý kiến ngày 24-01-2024:* Bà T3 và chồng là ông L thống nhất trả cho bà T số tiền cầm đất là 214.000.000 đồng theo giấy cầm cố đất ngày 02-8-2016 âm lịch, thống nhất trả cho bà T số tiền hụi và tiền vay là 98.000.000 đồng theo biên nhận ngày 12-11-2023, hẹn khi nào bán đất được sẽ trả.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn L vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Võ Thị Lệ T khởi kiện yêu cầu đòi lại tài sản, tiền hụi và tiền vay phát sinh từ các hợp đồng dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự, bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị Lệ T4 có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp đòi lại tài sản, hụi và hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị Thu T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị Thu T1.

[3] Về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 01-7-2024, nguyên đơn nộp đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên ý kiến rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố đất ngày 02-8-2016 âm lịch. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố đất ngày 02-8-2016 âm lịch

[4] Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh nghiên cứu vì các bên đương sự có tranh chấp hợp đồng cầm cố đất. Tuy nhiên sau đó các đương sự chỉ còn tranh chấp số tiền cầm đất là 214.000.000 đồng, tiền hụi và vay là 98.000.000 đồng, không còn tranh chấp, yêu cầu nào liên quan đến quyền sử dụng đất nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử và không đưa Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Lệ T đối với yêu cầu đòi lại tài sản:

Căn cứ Giấy cầm cố đất ngày 02-8-2016 âm lịch thể hiện ông L và bà T1 có thỏa thuận cầm cố cho bà T đối với phần đất có diện tích là 06 công (6.000m²) với số tiền là 190.000.000 đồng, thời hạn cầm cố là 05 năm. Căn cứ nội dung ghi phía dưới Hợp đồng cầm cố đất ngày 02-8-2016 âm lịch thể hiện vào ngày 03-12-2018 âm lịch, ông L và bà T1 có nhận thêm của bà T số tiền 24.000.000 đồng, nếu ông L và bà T1 có chuộc lại đất thì phải trả lại cho bà T là 214.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông L và bà T1 trả lại số tiền đã nhận là 214.000.000 đồng. Căn cứ Đơn trình bày ý kiến ngày 24-01-2024, bà T1 trình bày “*Tôi và chồng tôi là ông L thống nhất trả cho bà T số tiền cầm đất là 214.000.000 đồng*”. Mặc dù không có ý kiến trực tiếp của ông L, tuy nhiên bà T1 đã thống nhất và ông L đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án, ông L biết rõ yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng ông L không có ý kiến phản đối. Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà T1 và ông L có nhận của bà T số tiền tổng cộng là 214.000.000 đồng theo Giấy cầm cố đất ngày 02-8-2016 âm lịch, hai bên thỏa thuận thời hạn cầm cố là 05 năm. Do đó, bà T khởi kiện đòi lại tài sản, yêu cầu ông L, bà

T1 trả lại số tiền đã nhận 214.000.000 đồng là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Lệ T đối với tiền hụi và tiền vay:

Căn cứ Giấy biên nhận cho mượn tiền ngày 12-11-2023 thể hiện ông L, bà T1 có mượn của bà T số tiền 98.000.000 đồng, không có tính lãi, trong chín mươi tám triệu đồng đã tính hết tiền hụi và tiền vay; phía dưới người mượn tiền có chữ ký ông L và bà T1, ngoài ra có chữ ký xác nhận của ông Lê Hoàng D là Phó Trưởng ấp N, xã H.

Căn cứ Đơn trình bày ý kiến ngày 24-01-2024, bà T1 trình bày “*Tôi và chồng tôi là ông L thống nhất trả cho bà T số tiền hụi và tiền vay là 98.000.000 đồng*”. Mặc dù không có ý kiến trực tiếp của ông L, tuy nhiên bà T1 đã thống nhất và ông L đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án, ông L biết rõ yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng ông L không có ý kiến phản đối. Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà T1 và ông L còn nợ bà T tiền hụi và tiền vay tổng cộng là 98.000.000 đồng, ý kiến đồng ý trả tiền của bà T1 là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ông L, bà T1 trả số tiền hụi và tiền vay tổng cộng 98.000.000 đồng là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền lãi vay, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[8] Đối với giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất, nguyên đơn bà Võ Thị Lệ T đã rút lại yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Thu T1 không có yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện trong vụ án khác trong trường hợp phát sinh tranh chấp.

[9] Về án phí:

Nguyên đơn bà Võ Thị Lệ T được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị Thu T1 có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.600.000 đồng (tương ứng với 5% yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Lệ T được chấp nhận).

Nguyên đơn bà Võ Thị Lệ T được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 166, 357, 463, 466, 468, 470 và 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Lệ T đối với ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Thu T1.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Thu T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Lệ T số tiền 312.000.000 đồng (ba trăm mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Lệ T, về việc yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố đất ngày 02-8-2016 âm lịch.

Về quyền khởi kiện lại được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Thu T1 có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 15.600.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bà Võ Thị Lệ T không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.350.000 đồng (năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003316 ngày 13-11-2023 và 2.450.000 đồng (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003453 ngày 24-01-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Lệ T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Thu T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Trọng